TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Ông Trần Trọng Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 296/2023/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/QĐST-HPT ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản ghi lời nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Văn Q kết hôn năm 1991, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 04/10/1991 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T1. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Bà H và ông Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Thảo M1, sinh năm 2001. Các con chung đều đã trưởng

thành nên bà H không yêu cầu gì.

Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q vắng mặt không lý do, quá trình giải quyết vụ án không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy bà H yêu cầu ly hôn với ông Q do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà H được ly hôn với ông Q. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Q, bị đơn có nơi cư trú tại huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn ông Q vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 04/10/1991 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 11/01/2024 xác định, quá trình chung sống bà H và ông Q có xảy ra mâu thuẫn, nên cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Q là có thật. Đồng thời, quá trình giải quyết ông Q không tham gia hòa giải tại Tòa án, không thể hiện mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

[3] Về con chung: các con chung của bà H và ông Q đều đã trưởng thành, đương sự không ai có yêu cầu gì nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: con chung của bà H và ông Q đều đã trưởng thành, đương sự không ai có yêu cầu gì nên không giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014878 ngày 08/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- CCTHADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học